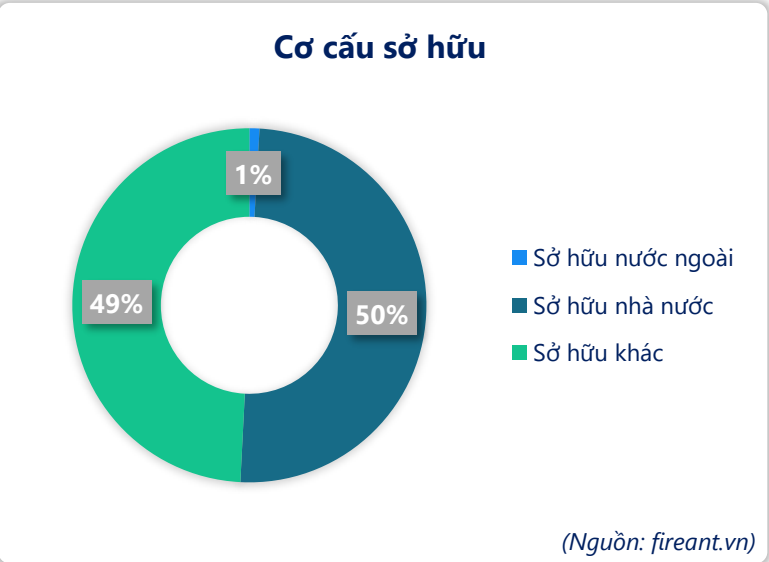
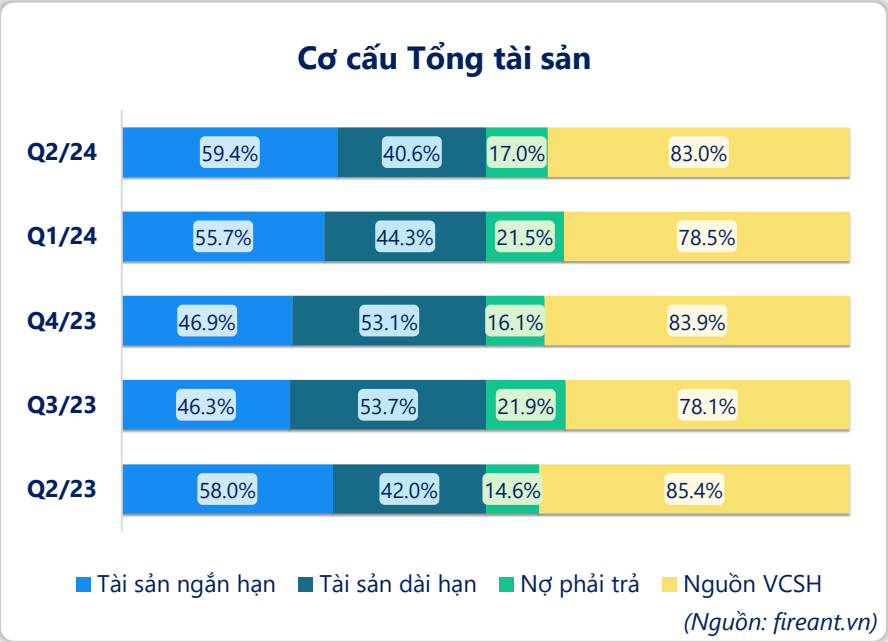
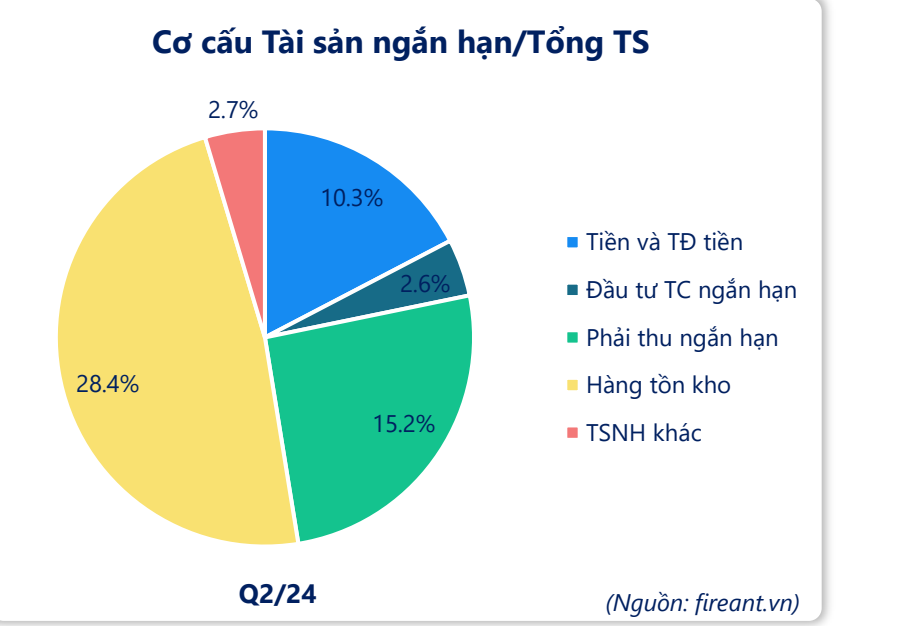
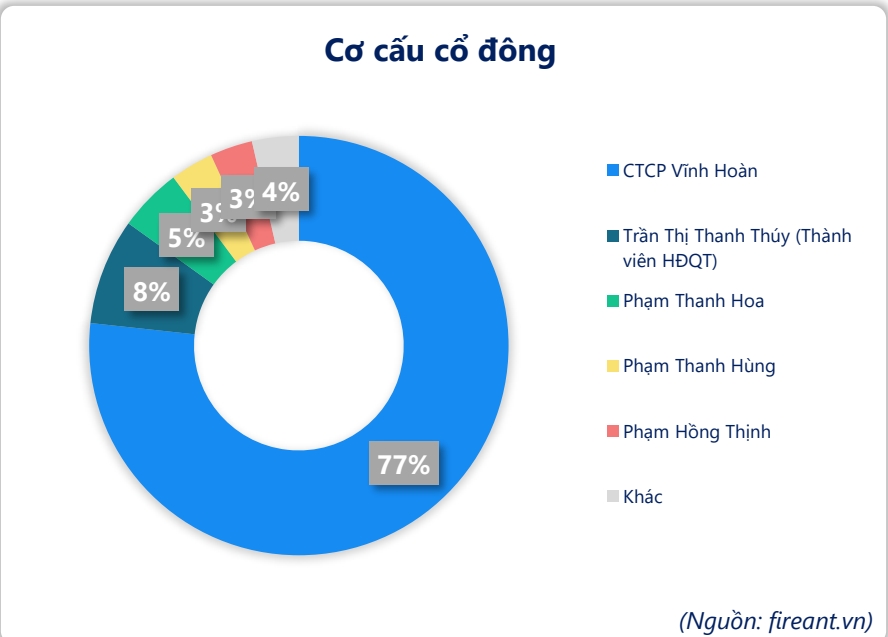
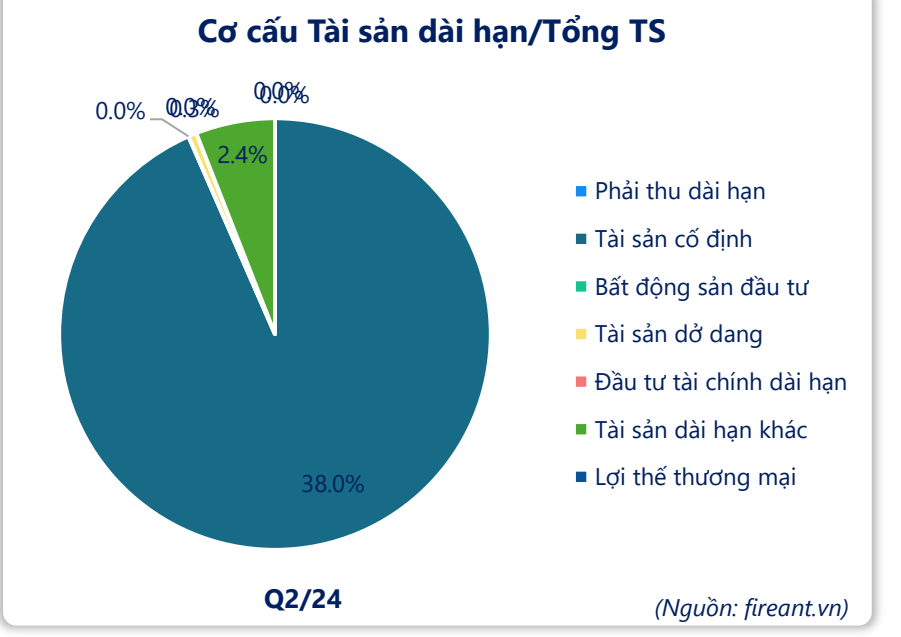
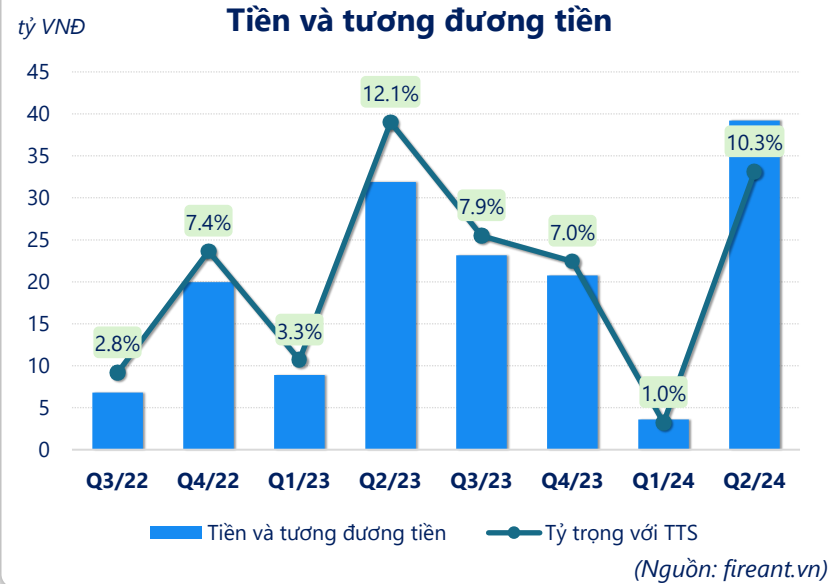
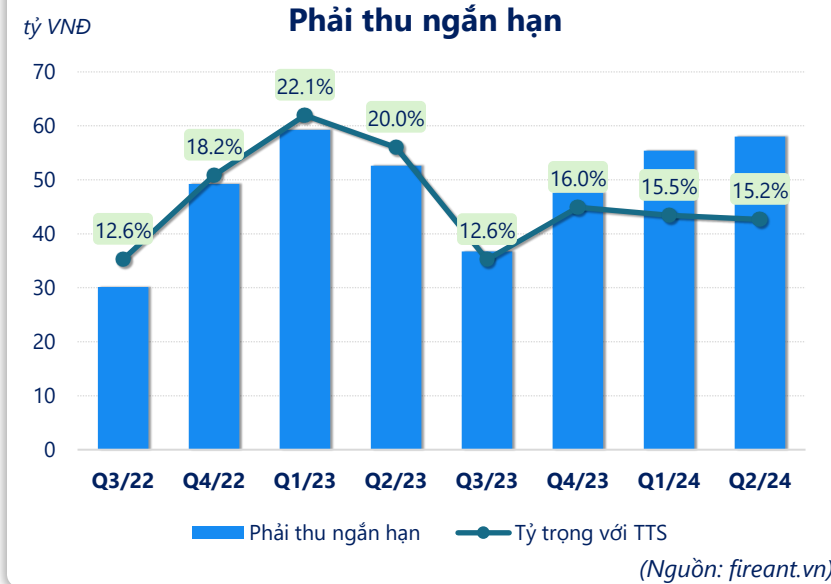
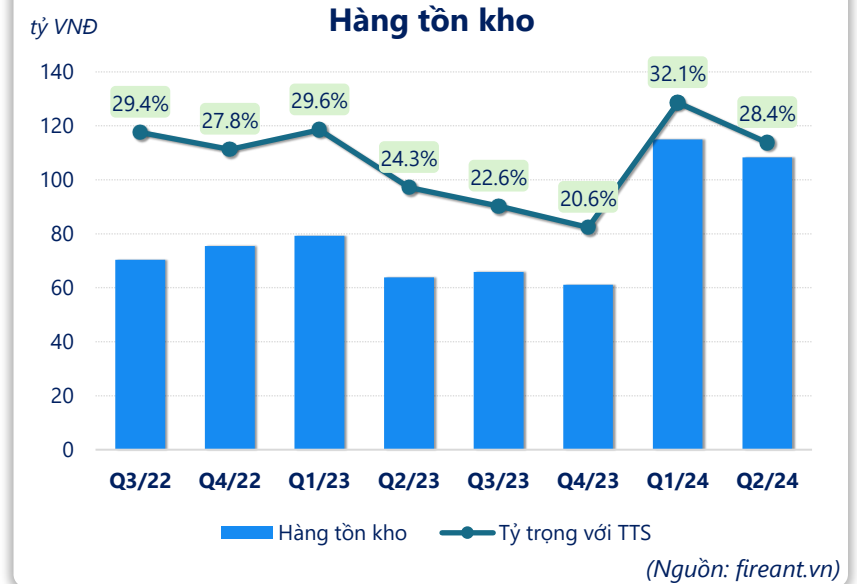
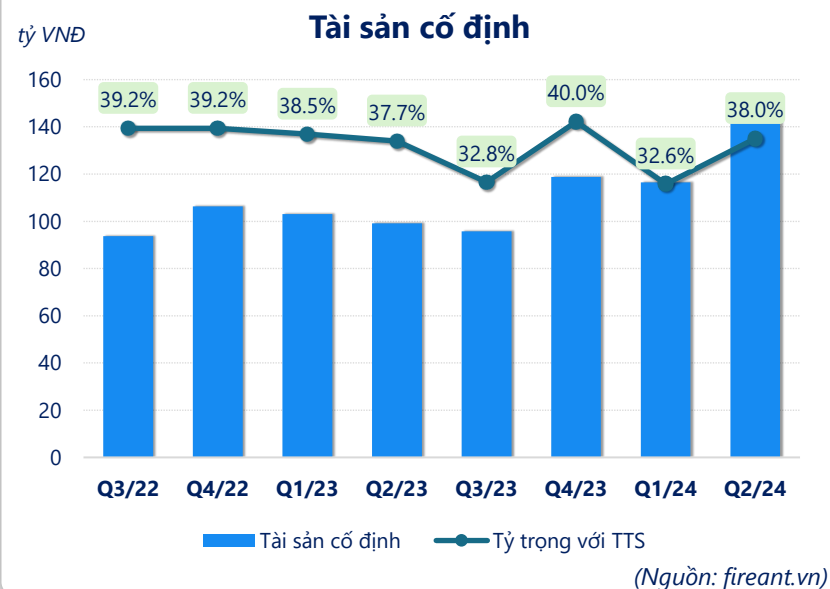
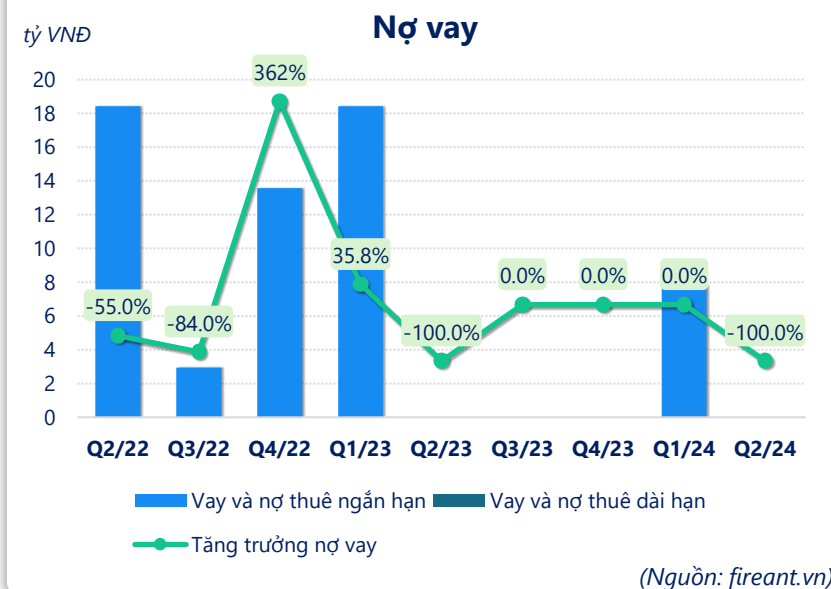
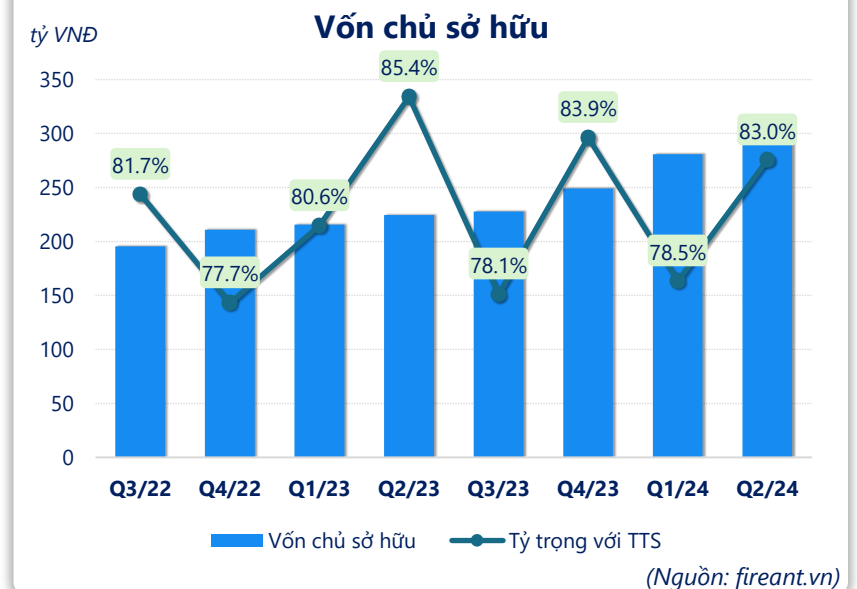
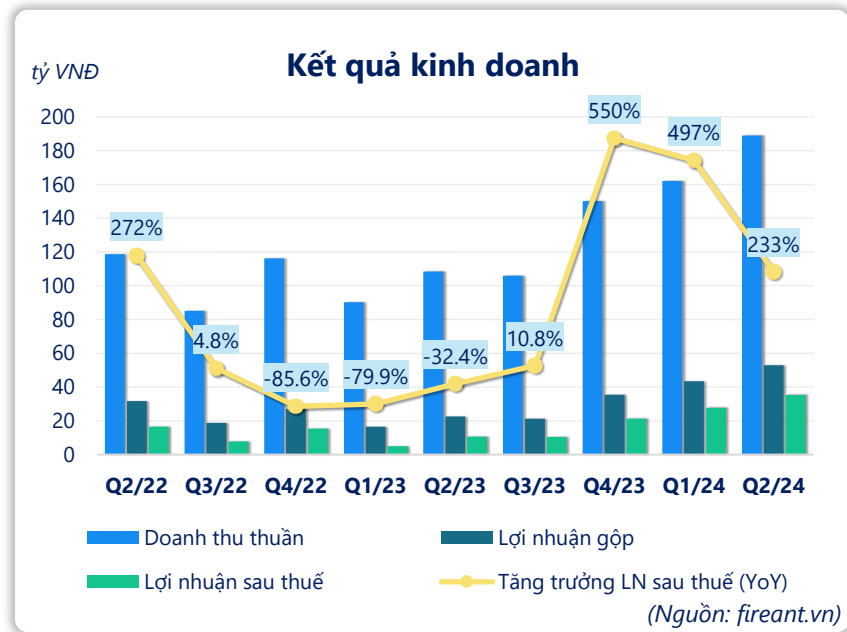
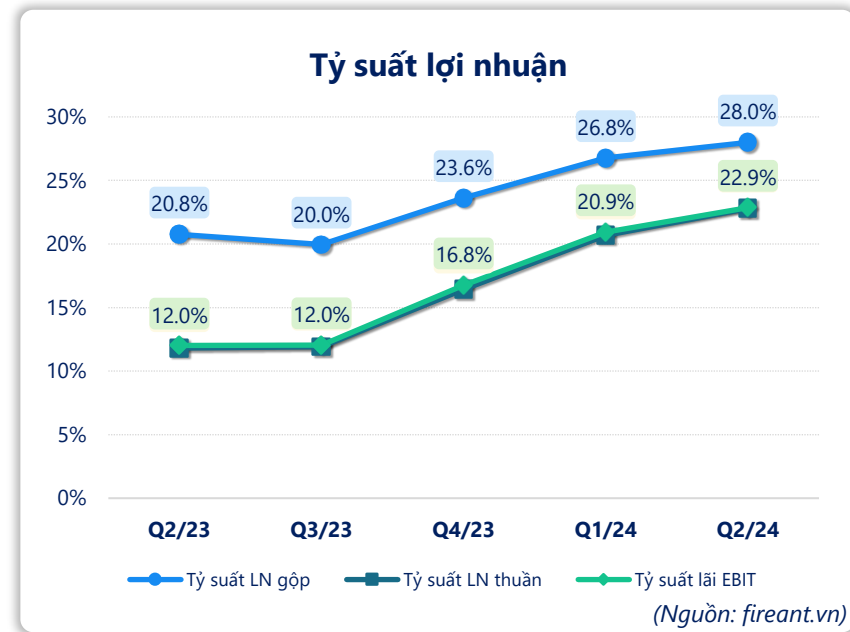
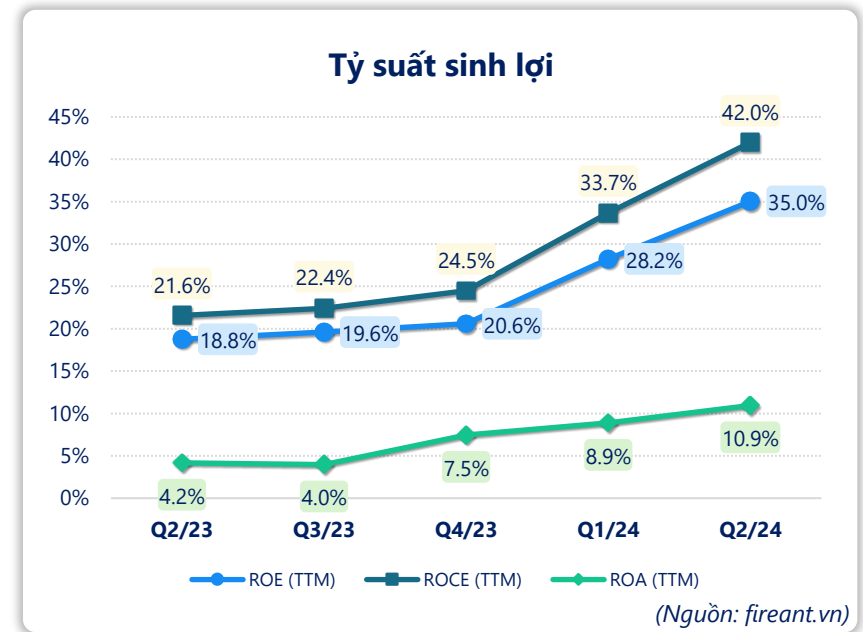
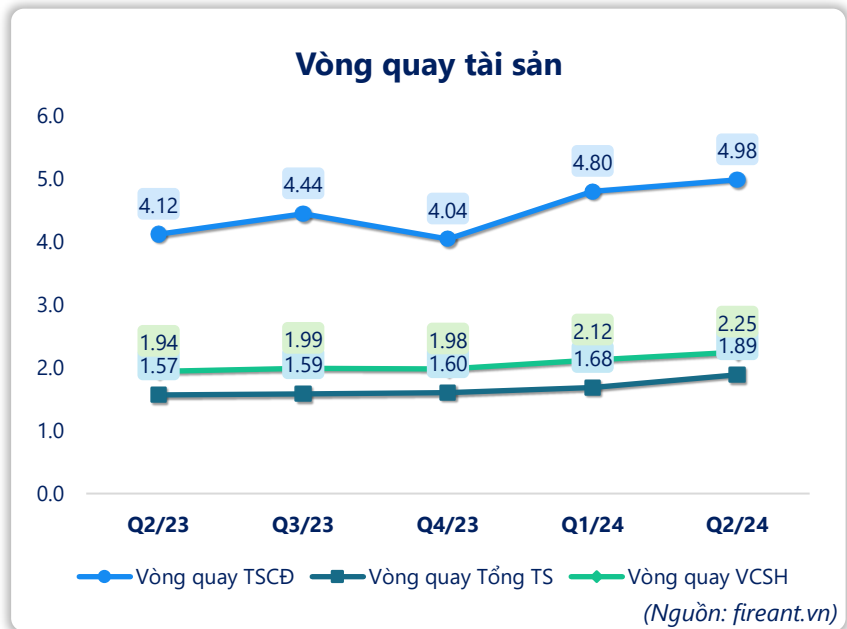
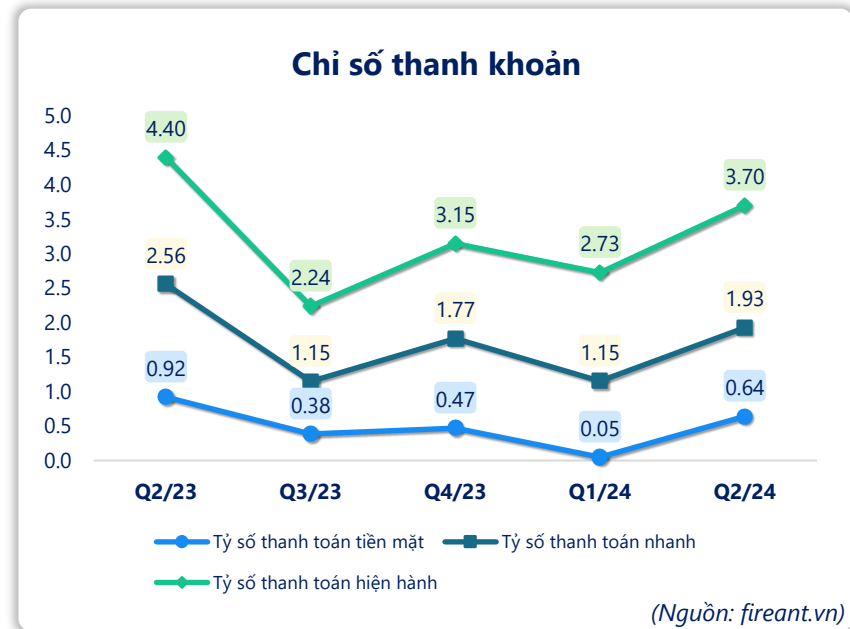
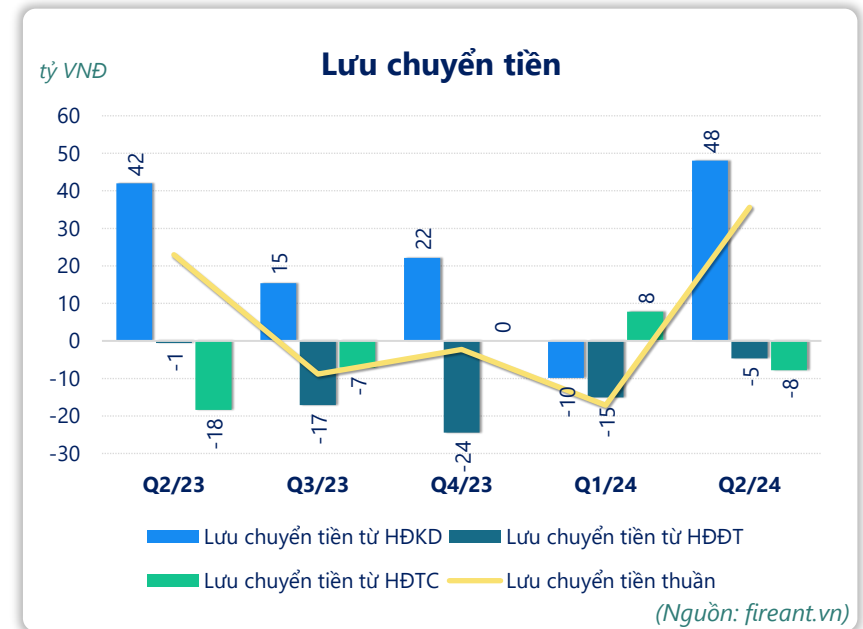


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	98,000	
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	100,000	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	51,000	
SL cổ phiếu LH	7,147,580	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	135	
% sở hữu nước ngoài	0.9%	
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	700	
P/E	7.4	
EPS	13,247	

	YTD	1T	3T	6T
SGC	41.2%	10.1%	36.1%	53.4%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	381	297	28.1%
Tài sản ngắn hạn	226	139	62.3%
Tiền và tương đương tiền	39.2	20.7	89.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	0	
Phải thu ngắn hạn	58.0	47.5	22.2%
Hàng tồn kho	108	61.2	77.1%
Tài sản ngắn hạn khác	10.5	9.86	6.2%
Tài sản dài hạn	155	158	-2.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	145	119	21.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.96	30.2	-96.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.20	9.07	1.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	64.6	44.1	46.6%
Nợ ngắn hạn	61.1	40.4	51.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	13.3	15.6	-14.7%
Nợ dài hạn	3.59	3.70	-3.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	316	253	24.9%
Vốn chủ sở hữu	316	253	24.9%
Vốn điều lệ	71.5	71.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	109	106	150	162	189
Giá vốn hàng bán	86.0	84.8	115	119	136
Lợi nhuận gộp	22.5	21.2	35.5	43.4	52.9
Doanh thu HĐTC	0.64	1.60	1.06	1.90	2.72
Chi phí TC	0.15	0.21	0.26	0.19	0.41
Chi phí lãi vay	0.16	0	0	0.12	0.10
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.15	5.70	6.77	6.97	8.06
Chi phí QLDN	4.05	4.20	4.82	4.60	4.07
LN thuần từ HĐKD	12.8	12.6	24.7	33.5	43.0
Lợi nhuận khác	0.06	0.12	0.49	0.29	0.03
LN trước thuế	12.9	12.8	25.2	33.8	43.1
Lợi nhuận sau thuế	10.7	10.5	21.2	27.7	35.2
LNST của CĐ cty mẹ	10.7	10.5	21.2	27.7	35.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	42.0	15.4	22.1	-9.86	48.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.60	-17.1	-24.4	-15.1	-4.63
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.4	-7.15	0	7.81	-7.81
Tiền đầu kỳ	8.89	31.9	23.1	20.7	3.59
Lưu chuyển tiền thuần	23.0	-8.83	-2.30	-17.1	35.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.06	0.07	-0.10	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	31.9	23.1	20.7	3.59	39.2

(Nguồn: fireant.vn)